

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 26
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Nui vàng nấu thịt gà, su su, bắp hạt, rau cải xoong nhỏ
- NT Nhóm 2: Cháo thịt gà su su, cải xoong
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng - Cá ngừ sốt cà chua - Canh nghêu nấu rau tần ô, nấm rom
Xế: Pudding trứng sữa
Xế chiều: Súp cua biển nấu bông cải xanh, nấm đùi gà, bí ngòi, trứng gà, bột năng

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	6,280	25,120
2	0494	Đường cát	200	3,780	7,560
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,700	2,560	43,520
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	50	5,780	2,890
9	N0937	Nui sò	300	3,060	9,180
10	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
11	0180	Su su	200	3,260	6,520
12	0124	Hẹ lá	50	4,520	2,260
13	0007	Ngô bắp tươi	200	3,990	7,980
14	0096	Cải xoong (xà lách xoong)	100	11,760	11,760
15	0392	Cá ngừ	1,900	10,710	203,490
16	0087	Cà chua	300	5,670	17,010
17	0439	Nghêu biển trắng (ngao)	500	6,300	31,500
18	0211	Nấm rom	100	13,130	13,130
19	0095	Cải cúc (tần ô)	600	6,300	37,800
21	0649	Bột năng	200	4,637.5	9,275
22	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
23	N0810	Thịt cua tươi	200	91,850	183,700
24	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	100	8,610	8,610
25	0635	Nấm đùi gà	100	9,560	9,560
26	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bán)	200	6,200	12,400
27	0457	Sữa bột toàn phần	523.2	19,500	102,024
28	0646	Bánh pudding	1,040	11,800	122,720

Tổng chợ	961,999
----------	---------

Tổng tiền thực phẩm	961,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	961,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	9,657,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	9,657,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan